

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 19 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 134/2026/HSST
Ngày: 11-9-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 19 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Chu Minh Đôn;

Bà Võ Thị Thu Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Nương - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 122/2026/TLST-HS ngày 24 tháng 7 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 169/2026/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 8 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Đức T, sinh năm 1985 tại Nghệ An; nơi thường trú: Thôn I, Q, xã Q, tỉnh Nghệ An; C phổ L, phường T, thành phố Đ; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức S và bà Nguyễn Thị V; tiền án: Ngày 20/5/2014, bị Tòa án nhân dân Quận 2, Thành Phố Hồ Chí Minh (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2, Thành phố Hồ Chí Minh) xử phạt 05 tháng 12 ngày tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 20/5/2014 (thời hạn tù bằng thời hạn tạm giam, chưa chấp hành xong nghĩa vụ án phí; tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 09/10/2025 cho đến nay; có mặt.

2. Nguyễn Xuân Q sinh năm 1977 tại Thái Bình; nơi cư trú: Tổ I, ấp S, xã B, thành phố Đ; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân Q1 và bà Đặng Thị N (đã chết); tiền án: Bản án số 15/HSST, ngày 07/5/1999, bị Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bình Phước xử phạt 42 tháng tù về tội “Cướp tài sản của công dân”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 14/9/2001, bị cáo đã đóng xong án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm; Bản án số 20/HSST ngày 15/5/2003, bị Tòa án nhân dân thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” chấp hành xong hình phạt tù ngày 04/01/2004, bị cáo đã đóng xong án phí hình sự sơ thẩm; Bản án số 42/2006/HSST ngày 12/9/2006 bị Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước xử phạt 36 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo T kháng cáo nên tại

Bản án số 107/2026/HSPT ngày 21/11/2006, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xử phạt bị cáo 26 tháng tù, chấp hành xong hình phạt tù ngày 27/05/2008, bị cáo chưa đóng án phí hình sự sơ thẩm; Bản án hình sự số 37/2013/HSST ngày 04/3/2013, bị Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 29/8/2014 và chấp hành xong nghĩa vụ án phí vào ngày 28/9/2015; Bản án hình sự sơ thẩm số 68/2016/HSST ngày 29/5/2016 bị Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai phạt 07 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/9/2021 và bị cáo chưa đóng án phí hình sự sơ thẩm; tiền sự: không; nhân dân: Quyết định số 01/QĐ ngày 23/11/2009 của Công an thị xã Đ, tỉnh Bình Phước áp dụng đưa bị cáo Q vào cơ sở chữa bệnh buộc; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 09/10/2025 cho đến nay; có mặt.

- Bị hại: Ông Cao Hồng N1, sinh năm 1967; nơi cư trú: ấp B, xã P, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1997; khu phố L, phường L, Thành phố Cần Thơ, có mặt.

+ Ông Đặng Trần Nhật L, sinh năm 1976; nơi thường trú: 506 Lê tổ A, khu P, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai (nay là khu phố P, phường L, Thành phố Đ), vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 30/9/2025, Nguyễn Đức T gọi điện thoại cho Nguyễn Xuân Q rủ Q đi tìm việc làm Quyết đồng ý. Một lúc sau, T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Exciter 150 màu vàng-đen, biển số 95B1-457.76 đến nơi ở của Q tại ấp S, xã B, thành phố Đ chờ Q đi từ nơi ở của Q đến Đ, tỉnh Bình Phước (nay là thành phố Đ) để xin việc nhưng không tìm được việc làm nên T và Q quay về. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, T điều khiển xe chở Q đi đến đoạn đường thuộc ấp B, xã P, thành phố Hồ Chí Minh thì T phát hiện ông Cao Hồng N1, đang đứng ở lề đường, ông N1 có đeo sợi dây chuyền vàng trên cổ nên T nói với Q “Dây chuyền y kia, làm đi”, khi nghe T nói vậy thì Q thấy ông N1 và hiểu ý T nói “làm đi” tức là “giật lấy sợi dây chuyền” và Q đồng ý. Sau đó, T điều khiển xe chở Q đến gần vị trí ông N1 đứng, Q xuống xe đi bộ đến vị trí ông N1 đứng, thời điểm này ông N1 đang nghe điện thoại không để ý nên Q dùng tay phải nắm lấy sợi dây chuyền trên cổ ông N1 và giật mạnh làm sợi dây chuyền đứt ra, Q nhanh chóng lên xe mô tô T đợi sẵn rồi Q, T cùng nhau tẩu thoát, bị Q giật dây chuyền, ông N1 liền la lên và đuổi theo Q nhưng không bắt được. Sau khi đã giật được sợi dây chuyền, T chở Q vào tiệm V1, tại ấp P, xã L, thành phố Đ do ông Đặng Trần Nhật L làm chủ bán sợi dây chuyền, T là người trực tiếp mang sợi dây chuyền vào bán được 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng), còn Q thì đứng ở ngoài trông xe. Sau khi bán vàng T giữ số tiền 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng), chia cho Q số tiền 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng). T và Q sử dụng số tiền này để tiêu xài cá nhân hết. Đến ngày 08/9/2025, Công an xã P, Thành phố Hồ Chí Minh phối hợp Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H và Công an xã B, Công an phường T, thành phố Đ phát hiện và mời T và Q làm việc, T và Q đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Vật chứng thu giữ:

- Thu giữ của Nguyễn Đức T 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter 150 màu vàng-đen biển số 95B1-457.76, số khung RLCUG0610HY505923, số máy G3D4B528348.

- 01 nón bảo hiểm màu xanh, 01 túi màu đen và 01 áo màu xanh, 01 quần jean màu đen, 01 đôi giày màu xám.

- 01 cái đồng hồ đeo tay bằng kim loại màu trắng, hiệu ELGIN của bị cáo T,

- Đối với sợi dây chuyền vàng do sau khi thu mua vàng, tiệm vàng đã gia công số vàng trên nên không thu giữ.

Kết luận định giá tài sản số 04/KL-HĐĐGTS ngày 24/11/2025, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự xã P, Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Dây chuyền vàng 18K, hình xoắn trọng lượng 1,3 cây (đã qua sử dụng) có giá trị 109.200.000 đồng (một trăm lẻ chín triệu hai trăm nghìn đồng).

Cáo trạng số 63/CT-VKSHCM-KV ngày 21 tháng 7 năm 2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Nguyễn Đức T về tội “Cướp giật tài sản” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 171 của Bộ H1 năm 2015 (sửa đổi bổ sung các năm 2017, 2024, 2025). Viện kiểm sát nhân dân khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Nguyễn Xuân Q về tội “Cướp giật tài sản” quy định tại điểm c, i khoản 2 Điều 171 của Bộ H1 năm 2015 (sửa đổi bổ sung các năm 2017, 2024, 2025).

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo về tội danh như cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 58, điểm c khoản 2 Điều 171 của Bộ H1 năm 2015 (sửa đổi bổ sung các năm 2017, 2024, 2025) đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T từ 05 (năm) năm tù đến 06 (sáu) năm tù về tội “Cướp giật tài sản”.

Áp dụng các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 58, điểm c, i khoản 2 Điều 171 của Bộ H1 năm 2015 (sửa đổi bổ sung các năm 2017, 2024, 2025) đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân Q từ 06 (sáu) năm tù đến 07 (bảy) năm tù về tội “Cướp giật tài sản”.

Xử lý vật chứng:

- 01 () xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter 150 màu vàng-đen biển số 95B1-457.76, số khung RLCUG0610HY505923, số máy G3D4B528348. Xe mô tô do ông Nguyễn Văn H đứng tên chủ sở hữu. H cầm xe mô tô cho một tiệm cầm đồ không rõ địa chỉ cụ thể (do thời gian đã lâu) và không có tiền chuộc lại và ông H cũng không có yêu cầu gì đối với xe mô tô. Qua lời khai của bị cáo T, bị cáo mua lại xe từ một tiệm mua bán xe máy cũ. Ngày 30/9/2025, T sử dụng xe mô tô làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội. Cơ quan điều tra Công an Thành phố H tiến hành đăng Tuổi các ngày 14-15-16/5/2026 tìm chủ sở hữu xe mô tô nhưng không ai đến liên hệ làm việc, do đó, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

- 01 nón bảo hiểm màu xanh, 01 túi màu đen và 01 áo màu xanh, 01 quần jean màu đen, 01 đôi giày màu xám, đây là tài sản của bị cáo T, không còn giá trị sử dụng, đề nghị tịch thu tiêu hủy.

- 01 cái đồng hồ đeo tay bằng kim loại màu trắng, hiệu ELGIN của bị cáo T, đây là tài sản cá nhân của T, đề nghị trả lại cho bị cáo T.

- Đối với sợi dây chuyền vàng do sau khi thu mua vàng, tiệm vàng đã gia công số vàng trên nên không thu giữ .

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Cao Hồng N1 yêu cầu bị cáo Nguyễn Đức T và Nguyễn Xuân Q bồi thường số tiền 109.200.000 đồng (một trăm lẻ chín triệu đồng). Bị cáo Nguyễn Đức T đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại N1 số tiền 40.000.000 đồng, bị hại yêu cầu bị cáo T bồi thường thêm số tiền 14.600.000 đồng. Bị cáo Nguyễn Xuân Q chưa bồi thường cho bị hại, bị hại yêu cầu bị cáo Q bồi thường số tiền 54.600.000 đồng. Ngày 13/10/2025, bị hại có đơn bãi nại, xin giảm trách nhiệm hình sự cho bị cáo T.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến gì về các kết luận giám định, kết luận định giá, quyết định truy tố, luận tội của Viện kiểm sát.

Các bị cáo trình bày lời sau cùng: các bị cáo đã biết hành vi của các bị cáo là vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan sát điều tra Công an Thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa không có người tham gia tố tụng nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố. Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và lời khai tại phiên tòa ngày hôm nay. Do vậy, đã có đủ cơ sở xác định: Khoảng 15 giờ ngày 30/9/2025, tại P, xã P, Thành phố Hồ Chí Minh, Nguyễn Đức T và Nguyễn Xuân Q đã cố ý thực hiện hành vi cướp giật tài sản của ông Cao Hồng N1 01 dây chuyền vàng 18K, hình xoắn trọng lượng 1,3 cây (đã qua sử dụng) có giá trị 109.200.000 đồng (một trăm lẻ chín triệu hai trăm nghìn đồng) rồi T điều khiển xe mô tô biển số 95B1-457.76 chở Q nhanh chóng tẩu thoát. Sau đó T và Q đến tiệm V1, tại ấp P, xã L, tỉnh Đồng Nai do ông Đặng Trần Nhật L làm chủ bán sợi dây chuyền vàng được 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng) T và Q chia nhau mỗi người 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng), T và Q đã sử dụng số tiền này để tiêu xài cá nhân hết. Đến ngày 08/9/2025 Công an xã P, Thành phố Hồ Chí Minh phối hợp Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H và Công an xã B, Công an phường T, thành phố Đ phát hiện và mời T, Q làm việc, qua điều tra T và Q đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Hành vi của bị cáo Nguyễn Đức T và Nguyễn Xuân Q đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp giật tài sản” quy định tại khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung các năm 2017, 2024, 2025). Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Nguyễn

Đức T và Nguyễn Xuân Q với tội danh “Cướp giật tài sản” với điều khoản như trên là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Các bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của công dân, gây thiệt hại về tài sản, ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Hội đồng xét xử quyết định xử các bị cáo một mức án tương xứng với tính chất và hành vi phạm tội của các bị cáo, cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để có tác dụng răn đe, giáo dục các bị cáo đồng thời cũng nhằm phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần xem xét toàn diện nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo T đã bị kết án, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do lỗi cố ý nên bị cáo T bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm theo điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung các năm 2017, 2024, 2025).

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm Hình sự: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2024 và năm 2025). Bị cáo T tác động gia đình bồi thường cho bị hại nên bị hại đã làm đơn bãi nại cho bị cáo T vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2024 và năm 2025). Riêng bị cáo Q gia đình có người có công với cách mạng, tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2024 và năm 2025).

[7] Đây là vụ án có đồng phạm giản đơn, Hội đồng xét xử phân tích vai trò của các bị cáo để thấy được tính chất, mức độ của từng bị cáo. Bị cáo T là người khởi xướng, bị cáo Q là người trực tiếp thực hiện hành vi. Các bị cáo cùng thực hiện hành vi phạm tội. Hội đồng xét xử các bị cáo một mức hình phạt tương xứng với tính chất và hành vi phạm tội của từng bị cáo để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[8] Mức hình phạt theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đối với các bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về xử lý vật chứng: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter 150 màu vàng-đen biển số 95B1-457.76, số khung RLCUG0610HY505923, số máy G3D4B528348. Xe mô tô do ông Nguyễn Văn H đứng tên chủ sở hữu. H cầm xe mô tô cho một tiệm cầm đồ không rõ địa chỉ cụ thể (do thời gian đã lâu) và không có tiền chuộc lại và ông H cũng không có yêu cầu gì đối với xe mô tô. Qua lời khai của bị cáo T, bị cáo mua lại xe từ một tiệm mua bán xe máy cũ. Ngày 30/9/2025, T sử dụng xe mô tô làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội. Cơ quan điều tra Công an Thành phố H tiến hành đăng Tuổi các ngày 14-15-16/5/2026 tìm chủ sở hữu xe mô tô nhưng không ai đến liên hệ làm việc, do đó, Hội đồng xét xử tuyên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước; 01 nón bảo hiểm màu xanh, 01 túi màu đen và 01 áo màu xanh, 01 quần jean màu đen, 01 đôi giày màu xám, đây là tài sản của bị cáo T, không còn giá trị sử dụng, nên tịch thu

tiêu hủy; 01 cái đồng hồ đeo tay bằng kim loại màu trắng, hiệu ELGIN của bị cáo T, đây là tài sản cá nhân của T, đề nghị trả lại cho bị cáo T; Đối với sợi dây chuyền vàng do sau khi thu mua vàng, tiệm vàng đã gia công sổ vàng trên nên không thu giữ.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Cao Hồng N1 yêu cầu bị cáo Nguyễn Đức T và Nguyễn Xuân Q bồi thường số tiền 109.200.000 đồng (một trăm lẻ chín triệu đồng). Bị cáo Nguyễn Đức T đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại N1 số tiền 40.000.000 đồng; bị cáo Nguyễn Xuân Q chưa bồi thường cho bị hại. Do đó, phiên tòa, bị hại yêu cầu bị cáo T bồi thường thêm số tiền 14.600.000 đồng, yêu cầu bị can Q bồi thường số tiền 54.600.000 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Về án phí: Các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điểm c khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung các năm 2017, 2024 và 2025) đối với bị cáo Nguyễn Đức T.

Các điểm c, i khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung các năm 2017, 2024 và 2025) đối với bị cáo Nguyễn Xuân Q.

Điều 46, Điều 47, Điều 106, Điều 135, Điều 136, Điều 260, Điều 268, Điều 269 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức T và bị cáo Nguyễn Xuân Q phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T 05 (năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 09-10-2025.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân Q 06 (sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 09-10-2025.

2. Về Xử lý vật chứng:

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter 150 màu vàng-đen biển số 95B1-457.76, số khung RLCUG0610HY505923, số máy G3D4B528348.

Tịch thu tiêu hủy: 01 nón bảo hiểm màu xanh, 01 túi màu đen và 01 áo màu xanh, 01 quần jean màu đen, 01 đôi giày màu xám.

Trả lại: 01 cái đồng hồ đeo tay bằng kim loại màu trắng, hiệu ELGIN cho bị cáo T.

(Theo biên bản làm việc ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Công an xã P, Thành phố Hồ Chí Minh (BL 34)).

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo T bồi thường cho bị hại N1 số tiền 14.600.000 (mười bốn triệu sáu trăm nghìn) đồng, buộc bị cáo Q bồi thường cho bị hại N1 số tiền 54.600.000 (năm mươi bốn triệu sáu trăm nghìn) đồng.

4. Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) hình sự sơ thẩm. Bị cáo T phải chịu 730 (bảy trăm ba mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, bị cáo Q phải chịu 2.730.000 (hai triệu bảy trăm ba mươi nghìn) đồng.

5. Về quyền kháng cáo: bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ vụ án có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ quan đến vụ án (vắng mặt) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Công an Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mai